

Số: /KH-UBND

Vĩnh Tuy, ngày

tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn phường Vĩnh Tuy năm 2026

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về chuyển đổi số thành phố Hà Nội năm 2026, UBND phường Vĩnh Tuy xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn phường như sau:

I. KHUNG CHUYỂN ĐỔI SỐ PHƯỜNG VĨNH TUY

1. Ba trụ cột chuyển đổi số

1.1. Chính quyền số

Tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND phường và các phòng chuyên môn theo hướng số hóa, dữ liệu hóa, công khai, minh bạch, giảm giấy tờ, giảm thời gian xử lý công việc; đẩy mạnh sử dụng các hệ thống số dùng chung của Thành phố và Phường; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; từng bước hình thành phương thức điều hành dựa trên dữ liệu, gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

1.2. Kinh tế số

Tập trung hỗ trợ hộ sản xuất, hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất - kinh doanh, dịch vụ, thương mại trên địa bàn ứng dụng nền tảng số trong quảng bá, bán hàng, thanh toán không dùng tiền mặt, quản lý đơn hàng, chăm sóc khách hàng, kết nối sàn thương mại điện tử và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục đưa các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng lên môi trường số.

1.3. Xã hội số (công dân số - tổ chức số, dịch vụ số, tương tác số)

Tập trung nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách, tổ chuyển đổi số cộng đồng, đoàn thể và người dân;

Thúc đẩy sử dụng định danh điện tử, thanh toán số, dịch vụ công trực tuyến, iHanoi và các nền tảng số thiết yếu;

Ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, an sinh xã hội;

Tiếp tục đẩy mạnh kênh tương tác thống nhất giữa chính quyền với người dân và giữa người dân với nhau;

Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, tham vấn cộng đồng; giám sát xã hội số;

Tiếp tục Phổ cập kỹ năng số cộng đồng, đặc biệt nhóm yếu thế; thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực và nhóm dân cư.

2. Các nền tảng trọng tâm

Tập trung khai thác, sử dụng hiệu quả các nền tảng số dùng chung của Thành phố và ngành dọc cấp trên, trong đó trọng tâm là:

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành;
- Hệ thống thư điện tử công vụ;
- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;
- Ứng dụng iHanoi;
- Các nền tảng thanh toán số, định danh điện tử, ký số và xác thực điện tử;
- Hệ thống theo dõi báo cáo của Thành phố;
- Các cơ sở dữ liệu, phần mềm chuyên ngành;
- Hệ thống HanoiWork...

3. Nền tảng năng lực

3.1. Năng lực dữ liệu

Chuẩn hóa, cập nhật, làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của phường; tăng cường số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, dữ liệu chuyên ngành; bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, có khả năng chia sẻ, tái sử dụng phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ cho người dân.

3.2. Năng lực nền tảng và kết nối

Khai thác hiệu quả các hệ thống dùng chung do Trung ương và Thành phố triển khai; không đầu tư dàn trải, không phát sinh phần mềm riêng lẻ khi chưa thật sự cần thiết; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ phận và với hệ thống cấp trên theo quy định.

3.3. Năng lực tổ chức và nhân lực số

Gắn trách nhiệm người đứng đầu; nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động; phát huy vai trò của tổ chuyển đổi số cộng đồng, đoàn thanh niên, chi hội CCB, chi hội phụ nữ, các tổ dân phố trong hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số.

3.4. Năng lực môi trường và hệ sinh thái

Triển khai cơ chế hợp tác công – tư, thí điểm có kiểm soát và mua sắm theo kết quả nhằm huy động nguồn lực xã hội cho chuyển đổi số; tăng cường liên kết Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp trong đào tạo và triển khai; đồng thời thu hút, sử dụng hiệu quả chuyên gia công nghệ số và khai thác hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số của Thành phố để phục vụ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ cho người dân.

3.5. Năng lực an toàn thông tin

Bảo đảm an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, nâng cao nhận thức phòng, chống lừa đảo trên không gian mạng; tăng cường tuân thủ quy trình, phân quyền, quản lý tài khoản, thiết bị, chữ ký số trong quá trình xử lý công việc.

4. Cơ chế đảm bảo

4.1. Cơ chế điều phối và phân công

- Phân công rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị.
- Đầu mối điều phối thống nhất.
- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

4.2. Cơ chế tài chính

- Ưu tiên đầu tư cho hạ tầng và nền tảng dùng chung.
- Huy động nguồn lực xã hội phù hợp với quy định pháp luật.

4.3. Cơ chế theo dõi, đánh giá

- Chỉ số chuyên đổi số.
- Báo cáo, giám sát theo thời gian thực.
- Đánh giá tác động về hiệu quả quản trị, tăng trưởng kinh tế, năng suất và chất lượng phục vụ.

II. NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI SỐ PHƯỜNG VĨNH TUY

Việc triển khai chuyển đổi số của phường Vĩnh Tuy phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Lấy người dân, doanh nghiệp và hiệu quả phục vụ làm trung tâm

Mọi nhiệm vụ chuyển đổi số phải hướng tới nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức; giảm thời gian, chi phí, công sức thực hiện thủ tục hành chính; tăng công khai, minh bạch, thuận tiện, dễ tiếp cận.

2. Bám sát định hướng của Thành phố; đồng bộ, không manh mún

Triển khai thống nhất theo kiến trúc, nền tảng dùng chung, chỉ đạo chung của cấp trên; không tự phát xây dựng phần mềm, cơ sở dữ liệu riêng lẻ gây trùng lặp, lãng phí; ưu tiên khai thác nền tảng đã có.

3. Dữ liệu là nền tảng, hạ tầng là điều kiện, con người là yếu tố quyết định

Tập trung chuẩn hóa dữ liệu, số hóa hồ sơ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc; đồng thời chú trọng đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ và người dân sử dụng hiệu quả các nền tảng số.

4. Triển khai theo lộ trình, có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào chắc việc đó

Ưu tiên các nhiệm vụ thiết thực, dễ thấy hiệu quả, gắn trực tiếp với công tác chỉ đạo điều hành, cải cách hành chính, phục vụ người dân, phát triển kinh tế địa phương và xây dựng xã hội số ở cơ sở.

5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân

Mọi hoạt động chuyển đổi số phải tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; kiểm soát chặt chẽ tài khoản, phân quyền, quy trình thao tác trên môi trường số.

6. Gắn trách nhiệm người đứng đầu, gắn kết quả với đánh giá thi đua

Người đứng đầu các phòng, ban, đơn vị, các tổ chức đoàn thể chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số được giao; kết quả thực hiện là một căn cứ trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2026.

Các nguyên tắc này được xây dựng tương ứng với tinh thần của Kế hoạch Thành phố về lấy chuyển đổi số làm trọng tâm, chuyển đổi số kiến tạo hệ sinh thái, bảo đảm bao trùm số, thực thi bằng áp lực số, gắn trách nhiệm và đo lường hiệu quả.

III. MỤC TIÊU ĐẾN HẾT NĂM 2026

1. Chính quyền số

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- **100%** phòng, ban và các đơn vị chuyên môn thuộc phường ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (sử dụng AI dùng chung của Thành phố sau khi hoàn thành) - tính từ 01/10/2026.

- Giảm ít nhất **50%** văn bản lấy ý kiến giữa các cơ quan nhà nước Thành phố, tính từ thời điểm ban hành Kế hoạch đến hết năm 2026.

- **100%** các loại báo cáo định kỳ, đột xuất (trừ có yếu tố mật) thực hiện trên **một** hệ thống thông tin báo cáo hoặc hệ thống dùng chung của Thành phố.

- **60%** cuộc họp ứng dụng họp trực tuyến trên tổng số hội nghị, cuộc họp trong các cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội.

- **100%** Trang thông tin điện tử phường thực hiện nghiêm công khai, minh bạch, thống nhất, dùng chung và kênh tương tác với người dân, doanh nghiệp theo quy định Luật Tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- **100%** cán bộ, công chức phường được phổ biến, quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định về cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến và an toàn thông tin trên môi trường mạng.

1.2. Hạ tầng, nền tảng số, dữ liệu dùng chung

- **100%** hệ thống/ứng dụng mới hoặc nâng cấp của Thành phố phải “API-first” và kết nối LGSP. **Không** phát sinh hệ thống/ứng dụng riêng lẻ ngoài kiến trúc số thống nhất của Thành phố. Tính từ thời điểm ban hành Kế hoạch đến hết năm 2026.

- **100%** TTHC nội bộ, các công việc ngoài thủ tục hành chính (trừ nội dung có độ mật và quy định của pháp luật chuyên ngành) đều thực hiện bằng quy trình số, tính tại thời điểm tháng 12/2026.

- **100%** hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.

1.3. Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

- Tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt tối thiểu 80%.

- Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (chỉ số 766) của phường đạt thứ hạng cao.

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn đạt **≥ 98%**.

- Phấn đấu tỷ lệ từ chối hoặc yêu cầu bổ sung **< 5%**.

- **≥ 50%** TTHC phát sinh nhiều hồ sơ được tổ chức lại theo nhóm sự kiện (khai sinh, nhập học, việc làm, an sinh, tuổi già...); **≥ 60%** hồ sơ thuộc các nhóm này được hệ thống tự động gợi ý dịch vụ liên quan; **≥ 80%** doanh nghiệp mới thành lập được hệ thống tự động cung cấp “gói thủ tục khởi sự”, khuyến cáo nghĩa vụ pháp lý cơ bản trong 12 tháng đầu; **≥ 50%** doanh nghiệp đang hoạt động nhận được gợi ý chính sách hỗ trợ phù hợp.

2. Kinh tế số

2.1. Doanh nghiệp số và chuyển đổi số doanh nghiệp

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt **> 85%**.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt **> 60%**.

- Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử phấn đấu đạt trên **60%**.

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên **3%**.

- **100%** văn bản của doanh nghiệp được chuyển nhận trên hệ thống chuyển nhận văn bản điện tử tích hợp trên iHanoi.

2.2. Thanh toán số

- Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong bán lẻ đạt tối thiểu **75%**.

- **100%** siêu thị, trung tâm thương mại; tối thiểu **85%** chợ dân sinh có phương thức thanh toán số.

2.3. Số hoá ngành và dữ liệu phục vụ kinh tế

Chia sẻ có kiểm soát tối thiểu **20 bộ** dữ liệu mở phục vụ doanh nghiệp; hình thành tối thiểu **5** sản phẩm/dịch vụ mới khai thác dữ liệu của Thành phố.

2.4. Năng suất và năng lực cạnh tranh

- Năng suất lao động khu vực doanh nghiệp tăng tối thiểu **7-8%/năm**.

- Tối thiểu **60%** doanh nghiệp logistics, thương mại đầu mối ứng dụng nền tảng số trong điều phối và quản lý chuỗi cung ứng

2.5. Phát triển sản phẩm, thương hiệu địa phương

- Xây dựng chuyên mục hoặc kho thông tin số giới thiệu sản phẩm, mô hình hay, điểm đến, giá trị văn hóa của phường trên các kênh thông tin của địa phương.
- Hỗ trợ xây dựng nội dung số, hình ảnh số, video ngắn để quảng bá sản phẩm, ngành nghề, mô hình kinh tế tiêu biểu của phường.

3. Xã hội số

3.1. Định danh số, chữ ký số và năng lực giao dịch số

- Tỷ lệ công dân được định danh điện tử (VNeID) đạt $\geq 95\%$; trong đó, VNeID mức độ 2 đạt 90% . Tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cấp tài khoản định danh điện tử đạt $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95% .
- Tỷ lệ dân số từ **15** tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95% .
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân đạt $> 60\%$.
- Tối thiểu 50% dịch vụ số khác được xác thực bằng VNeID (ngoài thủ tục hành chính đã yêu cầu bắt buộc) và tích hợp iHanoi.

3.2 Mức độ sử dụng dịch vụ số, tương tác số và tham gia xã hội số

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 80% ; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 100% .
- Tối thiểu 90% giao dịch dịch vụ công và tiện ích công thực hiện không dùng tiền mặt.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến/khám chữa bệnh từ xa đạt $\geq 45\%$.
- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ học sinh được tiếp cận học liệu số đạt $\geq 90\%$.
- $\geq 75\%$ giao dịch dịch vụ dân sinh thiết yếu (điện, nước, học phí, viện phí, giao thông công cộng...) được thực hiện trên môi trường số tính tại thời điểm tháng 12/2026.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản iHanoi đạt $\geq 85\%$.
- Tỷ lệ người dùng iHanoi hoạt động hàng tháng đạt $\geq 60\%$ (tính tại thời điểm tháng 11, 12/2026).
- 100% phản ánh được tiếp nhận trên iHanoi được xử lý đúng hạn và công bố công khai trên iHanoi.
- 100% các tổ dân phố hình thành cộng đồng số trên iHanoi.
- $\geq 70\%$ thông báo chính thức của Thành phố được phổ biến đến người dân được thực hiện qua iHanoi.

3.3. Năng lực số, thu hẹp khoảng cách số và an toàn số

- Tỷ lệ người dân có khả năng tự bảo vệ ở mức cơ bản trên môi trường số (nhận biết lừa đảo, bảo mật tài khoản, bảo vệ dữ liệu cá nhân...) đạt **≥ 70%**.
- Tối thiểu **50%** tổ dân phố triển khai hoạt động hướng dẫn kỹ năng số cộng đồng.
- **100%** hộ cận nghèo được hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số thiết yếu và được hướng dẫn kỹ năng số cơ bản.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu **90%**.

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt **100%**.
- Tổ chức tối thiểu **01** chiến dịch truyền thông quy mô Thành phố/năm về an toàn số và trách nhiệm số; tối thiểu 90% người dân được tiếp cận thông tin tuyên truyền về dịch vụ số và kỹ năng số.

3.4. Ứng dụng số trong đời sống cộng đồng

- 100% tổ dân phố được tuyên truyền và từng bước hình thành kênh tương tác số phù hợp với điều kiện địa phương.
- Tối thiểu 70% phản ánh hiện trường thuộc phạm vi địa bàn được người dân biết và có thể thực hiện qua iHanoi hoặc kênh số phù hợp.
- Tăng cường ứng dụng số trong thông tin cơ sở, tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, phổ biến pháp luật, văn hóa, y tế, giáo dục, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng chống thiên tai.

Các nhóm mục tiêu trên được cụ thể hóa từ hệ mục tiêu của Thành phố về chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đồng thời đã điều chỉnh cho phù hợp quy mô, thẩm quyền và tình hình thực tế của địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026

Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 tại Phần này được xác định theo các nguyên tắc sau:

- Kế hoạch này không liệt kê lại các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số trong các Kế hoạch hành động số 20 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy về Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2026; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 26/01/2026 của UBND Thành phố về việc thực hiện Kế hoạch số 20-KH/BCĐ của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy và Kế hoạch số 58/KH-UBND của UBND phường Vĩnh Tuy ngày 04/02/2026 về triển khai Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 26/01/2026 của UBND Thành phố thực hiện Kế hoạch hành động số 20-KH/BCĐ57 ngày 19/01/2026 của Ban Chỉ đạo 57 Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn phường Vĩnh Tuy năm 2026.

- Các nhiệm vụ, giải pháp đó tiếp tục được thực hiện theo văn bản đã ban hành và liên kết với Kế hoạch này thành một hệ thống nhiệm vụ toàn diện về chuyển đổi số năm 2026 để theo dõi trên môi trường số.

- Các nhiệm vụ, giải pháp tại Phần này là nội dung trọng tâm phục vụ các mục tiêu tại Phần III. Các cơ quan, đơn vị được giao theo dõi mục tiêu có trách nhiệm chủ động xây dựng, bổ sung và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể khác để hoàn thành mục tiêu được giao, đồng thời kịp thời cập nhật, triển khai các chỉ đạo phát sinh của Trung ương, Thành phố và Phường trong năm.

1. Nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế, tổ chức thực hiện

1.1. Ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số phường Vĩnh Tuy năm 2026

- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Đơn vị phối hợp: Công an phường, các phòng, ban, đơn vị chuyên môn; các Trường học trên địa bàn; các tổ dân phố; UB MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH phường.

- Thời gian thực hiện: Tháng 4/2026.

- Kết quả: Kế hoạch được ban hành, phân công nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ đầu việc, tiến độ, trách nhiệm.

1.2. Kiện toàn Tổ chỉ đạo, Tổ giúp việc, Tổ chuyển đổi số cộng đồng

- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Đơn vị phối hợp: Công an phường, các phòng, ban, đơn vị chuyên môn; các Trường học trên địa bàn; các tổ dân phố; UB MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH phường.

- Thời gian thực hiện: Tháng 4/2026.

- Kết quả: Kế hoạch được ban hành, phân công nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ đầu việc, tiến độ, trách nhiệm.

1.3. Xây dựng cơ chế theo dõi, đôn đốc, đánh giá

- Đơn vị chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

- Đơn vị phối hợp: Công an phường, các phòng, ban, đơn vị chuyên môn; các Trường học trên địa bàn; các tổ dân phố; UB MTTQ Việt Nam và các Đoàn thể phường.

- Thời gian thực hiện: Tháng 4/2026.

- Kết quả: Lòng ghép nhiệm vụ chuyển đổi số vào giao ban định kỳ hằng tháng của UBND phường; Xây dựng biểu theo dõi tiến độ, kết quả thực hiện từng chỉ tiêu, nhiệm vụ; Gắn kết quả thực hiện với đánh giá thi đua, khen thưởng của tập thể, cá nhân.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số

2.1. Lãnh đạo và điều hành

2.1.1. Tổ chức rà soát và cắt giảm Hội nghị, tăng tỷ lệ Hội nghị số

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND&UBND phường.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn UBND phường và các đơn vị có liên quan.

c) Thời hạn: Quý II/2026.

d) Yêu cầu tối thiểu:

- Phân loại, công bố được các nội dung bắt buộc phải họp, các cuộc họp được cắt giảm, nội dung bắt buộc họp trực tiếp, nội dung bắt buộc họp trực tuyến, và loại tùy chọn; dung lượng tối đa của từng loại cuộc họp, ưu tiên dung lượng ≤ 60 phút.

- Lãnh đạo chủ trì cuộc họp chịu trách nhiệm về việc tổ chức họp theo đúng phân loại đã được công bố.

2.1.2. Tổ chức rà soát và cắt giảm văn bản trên môi trường số

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND&UBND phường.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn UBND phường và các đơn vị có liên quan.

c) Thời hạn: Quý II/2026.

d) Yêu cầu tối thiểu:

- Phân loại, công bố được các nội dung bắt buộc phải phát hành văn bản, các văn bản được cắt giảm (chuyển sang trao đổi bằng thông điệp dữ liệu trực tiếp trên Không gian làm việc số), và loại tùy chọn.

- Người ký văn bản chịu trách nhiệm nếu không tuân thủ việc phát hành các văn bản đã được công bố cắt giảm.

2.1.3. Số hóa 100% thủ tục hành chính nội bộ và các công việc ngoài thủ tục hành chính (trừ nội dung có độ mật)

a) Cơ quan chủ trì: Các phòng, ban chuyên môn UBND phường.

b) Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thời hạn: Tháng 6/2026.

2.1.4. Thống nhất Hệ thống báo cáo điện tử duy nhất và cắt giảm báo cáo

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND&UBND phường.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn UBND phường và các đơn vị có liên quan.

c) Thời hạn: Quý II/2026.

d) Yêu cầu tối thiểu:

- Gắn với/tích hợp với Không gian làm việc số của Thành phố

- Chấm dứt hoàn toàn việc yêu cầu báo cáo nhiều lần, từ nhiều phía, trên nhiều hệ thống, về cùng một nội dung

- Rà soát, cắt giảm tối thiểu 50% báo cáo bằng văn bản (theo thực trạng số lượng loại báo cáo trên thực tế) theo 2 hình thức: Cắt bỏ hoặc chuyển sang dạng báo cáo bằng dữ liệu. Công bố về các loại báo cáo được cắt giảm. Cơ quan yêu cầu báo cáo bằng văn bản chịu trách nhiệm nếu yêu cầu loại đã được cắt giảm.

2.1.5. Thực hiện công khai lịch công tác tuần của các lãnh đạo

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND&UBND phường.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn UBND phường và các đơn vị có liên quan.

c) Thời hạn: Từ Quý II/2026.

d) Yêu cầu tối thiểu: Cập nhật liên tục, đảm bảo đúng với lịch trình thực tế; tiết kiệm thời gian thông báo khi có điều chỉnh; tích hợp AI cảnh báo chồng chéo, quá tải hoặc trùng lịch.

2.2. Nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số

2.2.1. Căn cứ Khung năng lực số, triển khai đánh giá tập trung và chứng nhận năng lực số đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn UBND phường và các đơn vị có liên quan.

c) Thời hạn: Quý IV/2026

2.2.2. Gắn hiệu quả số với đánh giá, xếp loại và cơ chế khuyến khích (bám sát khung năng lực số cơ bản, khung năng lực số nâng cao và hiệu quả số theo từng vị trí việc làm)

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn UBND phường và các đơn vị có liên quan.

c) Thời hạn:

- Ban hành cơ chế trong tháng 8/2026

- Áp dụng thí điểm từ Tháng 10/2026; chính thức từ ngày 01/01/2027

3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

Chương trình “Kinh tế số xanh” (Green Digital Economy) giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng, giảm tác động môi trường của và thông qua số hóa, thông qua bộ tiêu chí hạ tầng số xanh áp dụng đối với trung tâm dữ liệu, nền tảng số, dịch vụ điện toán đám mây; mua sắm công nghệ tiết kiệm năng lượng; chuyển đổi số để giảm phát thải

a) Cơ quan chủ trì:

- Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì đối với các nội dung liên quan đến xây dựng bộ tiêu chí hạ tầng số xanh, nghiên cứu, lựa chọn, đánh giá và ứng dụng công nghệ số, công nghệ mới, đổi mới sáng tạo phục vụ chuyển đổi xanh.

- Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị thực hiện nhiệm vụ tham mưu UBND phường công tác chuyển đổi số, mua sắm công nghệ chủ trì bảo đảm nguyên tắc kinh tế số xanh và chuyển đổi số để giảm phát thải. Thực hiện các nội dung liên quan đến chương trình tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả, quản lý nhu cầu điện và giảm phát thải trong sản xuất - phân phối - tiêu dùng, logistics.

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn UBND phường và các đơn vị có liên quan.

c) Thời hạn:

- Ban hành cơ chế thí điểm: Quý III/2026

- Triển khai, đánh giá kết quả: Tháng 12/2026

4. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

4.1. Khai thác hiệu quả nền tảng iHanoi của Thành phố trong quản trị xã hội số ở cơ sở, phục vụ thực hiện các mục tiêu về xã hội số tại Mục III

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn UBND phường và các đơn vị có liên quan.

c) Thời hạn: Báo cáo vào tháng 12/2026

4.2. Hình thành và phát triển hệ sinh thái số để cung cấp và gia tăng các dịch vụ số trên iHanoi. Trong đó, mở API iHanoi cho tổ chức xã hội, trường học, doanh nghiệp công nghệ; thúc đẩy việc phát triển mini-app cộng đồng, tạo nhóm dân cư số chính danh, cộng đồng tự tổ chức lấy ý kiến, khảo sát, biểu quyết; đồng thời cho phép tích hợp dịch vụ số của hội nghề nghiệp, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, tích hợp Thẻ điện tử Người có công và các mã ưu đãi dịch vụ dân sinh (giao thông, y tế, văn hóa) trên ứng dụng iHanoi...Hình thành hệ sinh thái ứng dụng cộng đồng do người dân và doanh nghiệp cùng phát triển.

a) Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội

b) Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban chuyên môn UBND phường và các đơn vị có liên quan.

c) Thời hạn: Báo cáo kết quả vào tháng 12/2026

5. Nhiệm vụ, giải pháp khác

(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Thành viên Ban Chỉ đạo về phát triển KHCN, ĐMST, CDS, CCHC và Đề án 06 của phường

- Căn cứ nhiệm vụ được phân công, chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch trong lĩnh vực, địa bàn theo dõi; bảo đảm sự thống nhất giữa vai trò thành viên Ban Chỉ đạo và trách nhiệm quản lý nhà nước của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch trong phạm vi phụ trách; kịp thời chỉ đạo xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện, chủ động tham mưu, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc

- Tổ chức triển khai Kế hoạch; xây dựng Kế hoạch thực hiện năm 2026 của cơ quan, đơn vị; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, sản phẩm đầu ra, tiến độ và nguồn lực; bảo đảm nguyên tắc “một việc - một đầu mối - một sản phẩm - một thời hạn”.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện trước UBND phường, Chủ tịch UBND phường về kết quả thực hiện nhiệm vụ; tổ chức phân công theo nguyên tắc “6 rõ”; gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả thực hiện.

- Căn cứ Kế hoạch của UBND phường, tổ chức triển khai trong phạm vi quản lý; bảo đảm phối hợp liên ngành trong thử nghiệm, đánh giá và nhân rộng; kết quả triển khai là nhiệm vụ bắt buộc trong kế hoạch công tác năm, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm người đứng đầu.

- Thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm về chất lượng, tính đầy đủ và kịp thời của dữ liệu do cơ quan mình quản lý; dữ liệu không cập nhật, không chia sẻ đúng quy định được coi là không hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội phường

- Chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu; tham mưu lồng ghép các nhiệm vụ chuyển đổi số với cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và công tác văn thư, lưu trữ điện tử.

- Chủ trì tham mưu triển khai các nhiệm vụ về xã hội số, truyền thông số, kỹ năng số cộng đồng, thông tin cơ sở, tuyên truyền chuyển đổi số; phối hợp hướng dẫn tổ dân phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai hoạt động phổ cập kỹ năng số, sử dụng iHanoi, phản ánh hiện trường, thanh toán số và các nền tảng phục vụ người dân.

4. Văn phòng HĐND&UBND phường

Chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các quy trình nội bộ; chủ động thực hiện số hóa hồ sơ theo quy định đối với các lĩnh vực thuộc thẩm quyền; phối hợp với phòng Văn hóa - Xã hội nâng cao chất lượng vận hành các nền tảng số dùng chung của phường; quản lý và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trong xử lý văn bản, hồ sơ trên môi trường điện tử theo đúng quy định.

5. Phòng kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

Chủ trì triển khai các nhiệm vụ thúc đẩy kinh tế số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt trong sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ hộ kinh doanh, sản phẩm đặc trưng của địa phương ứng dụng công nghệ số. Phối hợp tham mưu bố trí, lồng ghép và sử dụng hiệu quả kinh phí thực hiện kế hoạch.

6. Công an Phường

Phối hợp triển khai các nhiệm vụ về định danh điện tử, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, phòng chống tội phạm công nghệ cao; hỗ trợ tuyên truyền, hướng dẫn người dân bảo vệ tài khoản số, dữ liệu cá nhân, nhận diện thủ đoạn lừa đảo trên không gian mạng.

7. Trạm Y tế phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực phụ trách; chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu; tăng cường xử lý công việc trên môi trường số; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên thông, chia sẻ dữ liệu và cải cách quy trình nội bộ.

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ về Y tế số; ứng dụng phần mềm trong quản lý khám, chữa bệnh và công tác chuyên môn; xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác hiệu quả hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân trên địa bàn; thực hiện khám, chữa bệnh bằng căn cước công dân gắn chip; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong cung cấp dịch vụ y tế; đồng thời hướng dẫn người dân tiếp cận, sử dụng các tiện ích số trong lĩnh vực y tế theo quy định.

8. Các trường học trên địa bàn phường

- Chủ động triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trong phạm vi lĩnh vực quản lý; đẩy mạnh sử dụng nền tảng số, hồ sơ điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt; phối hợp hướng dẫn kỹ năng số cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và người dân.

- Tập trung triển khai chuyển đổi số trong quản lý và giảng dạy; ứng dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, nền tảng dạy học trực tuyến và học liệu số; thực hiện số hóa hồ sơ học sinh, giáo viên; triển khai các hình thức thu, nộp không dùng tiền mặt; đồng thời tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và lồng ghép trang bị kỹ năng số cơ bản cho học sinh theo chương trình giáo dục.

9. Các tổ dân phố và Tổ Chuyển đổi số cộng đồng

Tổ chức triển khai tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, iHanoi, VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và các ứng dụng số thiết yếu; duy trì hoạt động hỗ trợ trực tiếp tại cơ sở theo phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”.

Tổng hợp phản ánh, khó khăn, vướng mắc từ cơ sở; đề xuất kiến nghị gửi về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND phường xem xét, chỉ đạo.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

- Các phòng, ban, đơn vị thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, trước ngày 18 hằng tháng gửi về UBND phường (qua Phòng Văn hóa - Xã hội, chuyên viên Nguyễn Hồng Lĩnh, SĐT 0962678300) về kết quả triển khai Kế hoạch; trước ngày 19 hằng tháng, phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp, tham mưu UBND phường báo cáo gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

- Nội dung báo cáo ưu tiên sử dụng dữ liệu trích xuất trực tiếp từ các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ điều hành; bảo đảm khách quan, minh bạch, có khả năng kiểm chứng; kiên quyết hạn chế báo cáo thủ công, hình thức, không phản ánh đúng thực chất. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, cập nhật thường xuyên kết quả thực hiện nhiệm vụ theo bộ chỉ số KPI và các mốc công việc phù hợp với từng giai đoạn triển khai.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về việc xác định, cập nhật và hoàn thiện bộ chỉ số KPI, các mốc công việc theo từng giai đoạn; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của thông tin, số liệu trong báo cáo theo mẫu quy định, làm căn cứ theo dõi, đánh giá và điều hành.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hằng năm; ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ có tính đột phá, lan tỏa trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc xác định nhiệm vụ, đo lường kết quả và điều kiện bố trí nguồn lực quy định tại Kế hoạch này, gắn với kết quả đầu ra cụ thể.

- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa từ tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước theo đúng quy định của pháp luật.

- Khuyến khích triển khai các mô hình hợp tác phù hợp (PPP và các hình thức hợp pháp khác) trong đầu tư, phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hạ tầng số, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch và bền vững.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này từ nguồn ngân sách chi thường xuyên năm 2026 đã được UBND giao, bao gồm kinh phí thuê chuyên gia, đơn vị tư vấn và đơn vị triển khai theo yêu cầu nhiệm vụ.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số phường Vĩnh Tuy năm 2026. UBND phường yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ kiểm tra, đánh giá bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội;
- TT Đảng ủy - HĐND phường;
- Ban Chỉ đạo 57 Phường;
- Ban Chỉ đạo KHCN, ĐMST, CDS, CCHC, ĐA 06 phường;
- Đ/c Chủ tịch UBND phường;
- Các Đ/c Phó Chủ tịch UBND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường;
- Các cơ sở giáo dục, y tế trên địa bàn;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Văn Hoạt

Phụ lục 01
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND phường Vĩnh Tuy)

STT		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
	I	Chính quyền số				
1	1	100% cơ quan nhà nước ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (sử dụng AI dùng chung của Thành phố sau khi hoàn thành) - tính từ 01/10/2026.	Văn phòng UBND Thành phố	Văn phòng HĐND&UBND phường	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025
2	2	Giảm ít nhất 50% văn bản lấy ý kiến giữa các cơ quan nhà nước Thành phố, tính từ thời điểm ban hành Kế hoạch đến hết năm 2026.	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
3	3	100% các loại báo cáo định kỳ, đột xuất (trừ báo cáo có yếu tố mật) thực hiện trên một hệ thống thông tin báo cáo hoặc hệ thống dùng chung của Thành phố.	Văn phòng UBND Thành phố	Văn phòng HĐND&UBND phường	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

STT		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
4	4	60% cuộc họp ứng dụng họp trực tuyến trên tổng số hội nghị, cuộc họp trong các cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội.	Văn phòng UBND Thành phố	Văn phòng HĐND&UBND phường	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
5	5	100% Trang thông tin điện tử phường thực hiện nghiêm công khai, minh bạch, thống nhất, dùng chung và kênh tương tác với người dân, doanh nghiệp theo quy định Luật Tiếp cận thông tin, Luật Công nghệ thông tin và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	Văn phòng UBND Thành phố	Văn phòng HĐND&UBND phường	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
6	6	100% cán bộ, công chức phường được phổ biến, quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định về cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến và an toàn thông tin trên môi trường mạng.	Phòng Văn hoá – Xã hội	Phòng Văn hoá – Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Phường

STT		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
7	7	100% hệ thống/ứng dụng mới hoặc nâng cấp của Thành phố phải “API-first” và kết nối LGSP. Không phát sinh hệ thống/ứng dụng riêng lẻ ngoài kiến trúc số thống nhất của Thành phố. Tính từ thời điểm ban hành Kế hoạch đến hết năm 2026.	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
8	8	100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.	Văn phòng UBND Thành phố	Văn phòng HĐND&UBND phường	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025
9	9	100% thủ tục hành chính nội bộ, các công việc ngoài thủ tục hành chính (trừ nội dung có độ mật và quy định của pháp luật chuyên ngành) đều thực hiện bằng quy trình số, tính tại thời điểm tháng 12/2026.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HĐND&UBND phường	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
10	10	Tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt tối thiểu 95%	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HĐND&UBND phường	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

STT		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
11	11	Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của Phường phân đầu xếp hạng từ thứ 10 trở lên.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HĐND&UBND phường	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
12	12	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn đạt ≥ 98% .	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HĐND&UBND phường	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
13	13	Phân đầu tỷ lệ từ chối hoặc yêu cầu bổ sung < 5% .	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HĐND&UBND phường	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
14	14	≥ 50% TTHC phát sinh nhiều hồ sơ được tổ chức lại theo nhóm sự kiện (khai sinh, nhập học, việc làm, an sinh, tuổi già...); ≥ 60% hồ sơ thuộc các nhóm này được hệ thống tự động gợi ý dịch vụ liên quan; ≥ 80% doanh nghiệp mới thành lập được hệ thống tự động cung cấp “gói thủ tục khởi sự”, khuyến cáo nghĩa vụ pháp lý cơ bản trong 12 tháng đầu; ≥ 50% doanh nghiệp đang hoạt động nhận được gợi ý chính sách hỗ trợ phù hợp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HĐND&UBND; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

STT		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
	II	Kinh tế số				
15	1	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt > 85% .	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Thuê Cơ sở 4 Thành phố và các đơn vị liên quan	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 05/03/2026 của UBND phường
16	2	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt > 60% .	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Thuê Cơ sở 4 Thành phố và các đơn vị liên quan	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 05/03/2026 của UBND phường
17	3	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử phần đầu đạt trên 60% .	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Thuê Cơ sở 4 Thành phố và các đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố; Các Kế hoạch triển khai của phường
18	4	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3% .	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Thuê Cơ sở 4 Thành phố và các đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố; Các Kế hoạch triển khai của phường

STT		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
19	5	100% văn bản của doanh nghiệp được chuyển nhận trên hệ thống chuyên nhận văn bản điện tử tích hợp trên iHanoi.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HDND&UBND; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
20	6	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong bán lẻ đạt tối thiểu 75%.	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố; Các Kế hoạch triển khai của phường
21	7	100% siêu thị, trung tâm thương mại; tối thiểu 85% chợ dân sinh có phương thức thanh toán số.	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Ban Quản lý Chợ; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
22	8	Chia sẻ có kiểm soát tối thiểu 20 bộ dữ liệu mở phục vụ doanh nghiệp; hình thành tối thiểu 5 sản phẩm/dịch vụ mới khai thác dữ liệu của Thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
23	9	Năng suất lao động khu vực doanh nghiệp tăng tối thiểu 7-8%/năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hoá – Xã hội; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

STT		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
24	10	Tối thiểu 60% doanh nghiệp logistics, thương mại đầu mối ứng dụng nền tảng số trong điều phối và quản lý chuỗi cung ứng.	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
25	11	Xây dựng chuyên mục hoặc kho thông tin số giới thiệu sản phẩm, mô hình hay, điểm đến, giá trị văn hóa của phường trên các kênh thông tin của địa phương; Hỗ trợ xây dựng nội dung số, hình ảnh số, video ngắn để quảng bá sản phẩm, ngành nghề, mô hình kinh tế tiêu biểu của phường.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	
	III	Xã hội số				
26	1	Tỷ lệ công dân được định danh điện tử (VNeID) đạt ≥ 95% ; trong đó, VNeID mức độ 2 đạt 90% . Tỷ lệ tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cấp tài khoản định danh điện tử đạt ≥ 90% .	Công an Thành phố	Công an Thành phố	Công an phường; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
27	2	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95% .	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

STT		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
28	3	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95% .	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 1	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
29	4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân đạt \geq 60% .	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng HĐND&UBND; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 05/03/2026 của UBND phường
30	5	Tối thiểu 90% giao dịch dịch vụ công và tiện ích công thực hiện không dùng tiền mặt.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HĐND&UBND; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
31	6	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến/khám chữa bệnh từ xa đạt \geq 45% .	Sở Y tế	Sở Y tế	Trạm Y tế; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
32	7	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt \geq 90% .	Sở Y tế	Sở Y tế	Trạm Y tế; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 05/03/2026 của UBND phường
33	8	Tỷ lệ học sinh được tiếp cận học liệu số đạt \geq 90% .	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các trường học	Thực tế triển khai tại Thành phố

STT		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
34	9	$\geq 75\%$ giao dịch dịch vụ dân sinh thiết yếu (điện, nước, học phí, viện phí, giao thông công cộng...) được thực hiện trên môi trường số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
35	10	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản iHanoi đạt $\geq 85\%$.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
36	11	Tỷ lệ người dùng iHanoi hoạt động hằng tháng đạt $\geq 60\%$ (tính tại thời điểm tháng 11, 12/2026).	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
37	12	100% phản ánh được tiếp nhận trên iHanoi được xử lý đúng hạn và công bố công khai trên iHanoi.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HĐND&UBND; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
38	13	100% các tổ dân phố hình thành cộng đồng số trên iHanoi.	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
39	14	$\geq 70\%$ thông báo chính thức của Phường đến người dân được thực hiện qua iHanoi.	Văn phòng UBND Thành phố	Văn phòng HĐND&UBND phường	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố

STT		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
40	15	Tỷ lệ người dân có khả năng tự bảo vệ ở mức cơ bản trên môi trường số (nhận biết lừa đảo, bảo mật tài khoản, bảo vệ dữ liệu cá nhân...) đạt ≥ 70% .	Công an Thành phố	Công an Thành phố	Công an phường; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
41	16	Tối thiểu 50% tổ dân phố triển khai hoạt động hướng dẫn kỹ năng số cộng đồng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
42	17	100% hộ cận nghèo được hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số thiết yếu và được hướng dẫn kỹ năng số cơ bản.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Văn hóa - Xã hội; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
43	18	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu 90% .	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Văn hóa - Xã hội; Các trường học	Thực tế triển khai tại Thành phố
44	19	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100% .	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Các phòng, ban,	Thực tế triển khai tại Thành phố

STT		Mục tiêu	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, tổng hợp	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Căn cứ
TT	Chi tiết					
45	20	Tổ chức tối thiểu 01 chiến dịch truyền thông về an toàn số và trách nhiệm số; tối thiểu 90% người dân được tiếp cận thông tin tuyên truyền về dịch vụ số và kỹ năng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Thành phố
46	21	100% tổ dân phố được tuyên truyền và từng bước hình thành kênh tương tác số phù hợp với điều kiện địa phương.	Phòng Văn hóa - Xã hội;	Phòng Văn hóa - Xã hội;	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Phường
47	22	Tối thiểu 70% phản ánh hiện trường thuộc phạm vi địa bàn được người dân biết và có thể thực hiện qua iHanoi hoặc kênh số phù hợp.	Văn phòng HĐND&UBND	Văn phòng HĐND&UBND phường	Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Thực tế triển khai tại Phường

Phụ lục 02
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND phường Vĩnh Tuy)

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
I		Đổi mới trong công tác chỉ đạo điều hành					
1	1	100% người đứng đầu các cơ quan nhà nước phải sử dụng các hệ thống số dùng chung của Thành phố trong công tác chỉ đạo, điều hành	Văn phòng HĐND&UBND	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND Thành phố, Các sở, ngành chủ trì hệ thống	Thường xuyên	Hạn chế tối đa việc yêu cầu báo cáo thủ công, báo cáo ngoài hệ thống.	Không phát sinh hệ thống báo cáo riêng lẻ ngoài các nền tảng dùng chung của Thành phố.
II		Phát triển nhân lực số					
2	1	Triển khai khung Chương trình đào tạo về quản trị dữ liệu cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý II/2026	50% cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.	Khóa đào tạo, cấp chứng chỉ
3	2	Đào tạo về kỹ năng sản xuất nội dung và truyền thông số (kỹ năng xây dựng Fanpage, xây dựng kênh TikTok, Youtube, Kỹ năng viết bài, sản xuất video, podcast, kỹ năng livestream) cho cán bộ truyền thông, cán bộ văn hóa phường	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý IV/2026	Đào tạo 100% cán bộ truyền thông cơ sở; UBND phường có kênh truyền thông số hoạt động; trên 80% cán bộ sử dụng thành thạo kỹ năng sản xuất nội dung số.	Chương trình đào tạo chuẩn hóa; bộ học liệu số; hệ thống kênh truyền thông số cấp xã; kho nội dung mẫu dùng chung; hệ thống thống kê, báo cáo đánh giá hiệu quả truyền thông.
4	3	Thuê dịch vụ nhân sự công nghệ thông tin hỗ trợ chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý II/2026	Nhân sự IT hỗ trợ thường xuyên tại phường	Nhân sự IT hỗ trợ thường xuyên tại phường

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
5	4	Xây dựng kênh Hỗ trợ chuyên đổi số online 24/7 cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng HĐND&UBND phường	Quý II/2026	Kênh hỗ trợ 24/7; xử lý yêu cầu từ xa	Kênh hỗ trợ 24/7; xử lý yêu cầu từ xa
6	5	Thuê chuyên gia thực hiện một số nhiệm vụ về Chuyển đổi số, Công nghệ thông tin tại Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội	Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phòng Văn hóa - Xã hội	Năm 2026	Hỗ trợ triển khai nhanh các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của Thành phố. Trong bối cảnh yêu cầu về tiến độ, chất lượng và hiệu quả chuyển đổi số ngày càng cao, việc huy động chuyên gia bên ngoài giúp Trung tâm rút ngắn thời gian nghiên cứu, thử nghiệm, triển khai các nhiệm vụ mới; đồng thời tiếp cận được các giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển chính quyền số, dịch vụ số của Thành phố Hà Nội. Bên cạnh việc trực tiếp tham gia tư vấn, triển khai, các chuyên gia chuyển đổi số còn có vai trò chuyển giao tri thức, đào tạo, hướng dẫn đội ngũ cán bộ của Trung tâm, góp phần nâng cao năng lực nội tại, bảo đảm tính bền vững trong quản trị, vận hành và phát triển hệ thống trong dài hạn.	Báo cáo, kế hoạch, giải pháp, đề án, dự án ...

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
		III Đo lường, giám sát, đánh giá và triển khai					
7	1	Xây dựng và vận hành Hệ thống đo lường, giám sát, chấm điểm tự động mức độ hoàn thành chỉ tiêu và mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị thành phố Hà Nội theo thời gian thực	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý II/2026	<p>100% Sở, ban, ngành, UBND các cấp được đo lường, chấm điểm tự động. 100% chỉ tiêu chuyển đổi số trong Kế hoạch được theo dõi theo thời gian thực.</p> <p>Giảm tối thiểu 80-90% báo cáo thủ công về chuyển đổi số. 100% dữ liệu đo lường lấy từ hệ thống số, không nhập tay.</p> <p>Cập nhật, xếp hạng chuyển đổi số theo thời gian thực.</p> <p>Cảnh báo sớm ≥90% nguy cơ chậm tiến độ chỉ tiêu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đo lường, chấm điểm chuyên đổi số tự động - Bộ chỉ số đánh giá chuyên đổi số được số hóa - Hệ thống dashboard điều hành thời gian thực - Báo cáo đánh giá, xếp hạng tự động định kỳ. <p>Kết nối, đồng bộ dữ liệu với hệ thống EMC của Bộ Khoa học và Công nghệ</p>
		IV Xây dựng hạ tầng số - nền tảng số - dữ liệu - AI dùng chung					
8	1	Nâng cấp, mở rộng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Thành phố (LGSP)	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng HĐND&UBND phường	Quý IV/2026	<p>Nâng cấp các tính năng quản trị hệ thống nâng cao và các tính năng trải nghiệm cho người dùng; Mở rộng kết nối, tích hợp dịch vụ và dữ liệu với các Bộ ban ngành; Nâng cấp 100% nền tảng LGSP Hà Nội để tương thích với mô hình điều phối dữ liệu thống nhất, bảo đảm khả năng kết nối, tích hợp với Nền tảng điều phối dữ liệu quốc gia (NDOP)</p>	<p>Hoàn thiện trực tích hợp chia sẻ LGSP bảo đảm phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn TPHN</p>

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
9	2	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Nhiệm vụ thường xuyên	Kế hoạch được ban hành và triển khai	Kế hoạch được ban hành và triển khai
10	3	Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai chuyển đổi số theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Văn phòng HĐND&UBND	Sở Khoa học và Công nghệ	Nhiệm vụ thường xuyên	Báo cáo	Báo cáo
11	4	Nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện hạ tầng CNTT bảo đảm phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp (Nâng cấp hệ thống mạng; Thiết bị Giao ban trực tuyến; mua sắm bổ sung, trang thiết bị CNTT....)	Văn phòng HĐND&UBND	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III/2026	Hạ tầng CNTT được đầu tư, bổ sung hoàn thiện	Hạ tầng CNTT được đầu tư, bổ sung hoàn thiện

12	5	<p>Xây dựng ứng dụng đặt lịch, lấy số hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công</p>	<p>Văn phòng HĐND&UBND phường</p>	<p>Quý IV/2026</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo công cụ đặt lịch hẹn trực tuyến: Cho phép người dân, doanh nghiệp chủ động chọn cơ quan, thời gian, loại thủ tục, và khung giờ làm việc phù hợp qua ứng dụng web và di động. - Tích hợp chức năng lấy số điện tử: ứng dụng phát hành mã số (QR code hoặc mã định danh) cho từng lượt hẹn, giúp người dân tra cứu thứ tự và thời gian tiếp nhận. Kết nối định danh điện tử VNeID: Đồng bộ hóa thông tin cá nhân, xác thực tự động, giảm thủ tục nhập liệu, tăng độ tin cậy dữ liệu. - Tích hợp tổng đài và kênh hỗ trợ ảo: Chatbot, call center, và trợ lý ảo phục vụ hướng dẫn quy trình, cung cấp biểu mẫu và tư vấn tự động 24/7. - Hỗ trợ công tác điều hành: Lãnh đạo, cán bộ có thể theo dõi lịch làm việc, thống kê lưu lượng người đến, tình trạng phục vụ, tỷ lệ đúng hẹn, phản hồi mức độ hài lòng. - Tạo nền tảng dữ liệu mở phục vụ quản lý: Dữ liệu giao dịch hành chính được tổng hợp, chuẩn hóa, cung cấp đầu vào cho hệ thống phân tích dữ liệu đô thị. Liên thông với hệ thống hiện có: Bảo đảm tích hợp với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố, và 	<p>Ứng dụng đặt lịch, lấy số trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội</p>
----	---	---	--	---	--	--

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
13	6	Triển khai hệ thống màn hình trình chiếu và nền tảng quản trị nội dung tập trung cho toàn bộ mạng lưới PVHCC Thành phố.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HĐND&UBND phường	Quý IV/2026	Xây dựng và vận hành hệ thống màn hình LED trình chiếu đồng bộ trên toàn Thành phố; triển khai nền tảng quản trị nội dung tập trung cho phép Trung tâm PV HCC chủ động biên tập, lịch trình và phân phối nội dung tức thời tới tất cả điểm PV HCC. Hệ thống góp phần hiện đại hóa công tác truyền thông, nâng cao trải nghiệm công dân, hỗ trợ cải cách hành chính và chuyển đổi số.	Hệ thống màn hình trình chiếu và nền tảng quản trị nội dung tập trung cho toàn bộ mạng lưới PV HCC Thành phố.
14	7	Thuê đường truyền mạng WAN, mạng internet cho các cơ quan, đơn vị của Thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng HĐND&UBND phường	Quý II/2026	Mạng WAN, internet hoạt động ổn định	Hợp đồng với nhà thầu
15	8	Phát triển Miniapp cho 126 xã phường và các Sở, ban ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng HĐND&UBND	Quý IV/2026	- Hoàn thiện bộ miniapp được tùy biến theo đặc thù từng xã/phường (126 đơn vị), bảo đảm phù hợp mô hình dân cư, nhu cầu dịch vụ và hoạt động quản lý tại cơ sở. - Xây dựng khả năng liên thông 2 chiều dữ liệu giữa xã/phường - Thành phố (theo chuẩn kiến trúc ICT 1 là Nội); Chuẩn hóa bộ API kết nối với hệ thống dùng chung của Thành phố. - Bảo đảm an toàn - bảo mật - Phân quyền chặt chẽ theo từng	Triển khai đầy đủ bộ miniapp cho 126 xã/phường và các Sở, ban ngành trên iHanoi.

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
16	9	Phát triển Miniapp tổng hợp báo chí điện tử	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng HỘND&UBND phường	Quý IV/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng miniapp tổng hợp báo chí điện tử tích hợp trên iHanoi, thu thập tin tức từ các nguồn báo chính thống theo chuẩn kết nối của Thành phố. - Tích hợp, phân loại và hiển thị tin tức theo thời gian thực, bảo đảm tốc độ cập nhật nhanh và ổn định. Chuẩn hóa bộ API kết nối với các tòa soạn báo điện tử; bảo đảm an toàn dữ liệu và tuân thủ quy định pháp luật. 	Ra mắt miniapp tổng hợp báo chí điện tử trên iHanoi.
17	10	Xây dựng và triển khai hệ sinh thái đào tạo số dùng chung của thành phố Hà Nội (bao gồm nền tảng đào tạo trực tuyến, sổ tay số và bộ học liệu năng lực số)	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý IV/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 01 nền tảng đào tạo trực tuyến và 01 ứng dụng Sổ tay số; xây dựng, phát triển tối thiểu 100 bài giảng số; - Đối tượng đào tạo, tập huấn: cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lao động hợp đồng, người dân, doanh nghiệp; - Hình thành cơ sở dữ liệu và dashboard theo dõi; - Sẵn sàng phục vụ đánh giá năng lực số cán bộ, công chức, viên chức toàn Thành phố. 	Nền tảng đào tạo trực tuyến dùng chung; ứng dụng sổ tay số; bộ học liệu năng lực số chuẩn hóa; cơ sở dữ liệu năng lực số; hệ thống dashboard và báo cáo tổng kết.

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
	V	Cải cách thủ tục hành chính theo hướng thực chất, Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh					
18	1	Tiếp tục hoàn thiện, vận hành ổn định hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HỘND&UBND phường	Quý II/2026	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC do Thành phố cung cấp (bao gồm các DVC theo mô hình tập trung) đạt tối thiểu 80%; Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình trên tổng số TTHC đặc thù của Thành phố đạt tối thiểu 80% - Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước. - 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi Thành phố. - Chỉ duy trì các TTHC và DVCTT thực sự cần thiết. Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin giải quyết TTHC đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ CSDL quốc gia, chuyên ngành. Giảm tối thiểu 20% thời gian xử lý các quy trình liên thông. - Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp 	Hệ thống vận hành ổn định

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
19	2	Rà soát, tái cấu trúc tối thiểu 100% các quy trình nội bộ có tần suất xử lý cao.	Văn phòng HĐND&UBND	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Quý IV/2026	- Giảm trung gian; - Chuẩn hóa dữ liệu đầu vào; - Tích hợp xử lý liên thông trên môi trường số; - Loại bỏ triệt để việc xử lý song song điện tử - giấy	Danh mục quy trình đã tái cấu trúc và sơ đồ quy trình số
20	3	Trang bị Robot hướng dẫn thủ tục, tra cứu thông tin, chỉ dẫn vị trí quầy tại các Chi nhánh, Điểm hành chính công của thành phố Hà Nội (nhóm 15 tiện ích)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HĐND&UBND	Quý IV/2026	Robot được mua sắm và đưa vào sử dụng	Robot hướng dẫn
VI		Phát triển Kinh tế số, thúc đẩy tăng trưởng					
21	1	Phát triển nền tảng quản trị, cơ sở kinh doanh cho thuê trọ số Hà Nội (Xã hội hoá)	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Quý II/2026	Năm 2026: 100% số nhà trọ trên địa bàn phường tiếp cận với hệ thống phần mềm; 50% chủ nhà trọ sử dụng; Thành phố có được dữ liệu về nhà trọ, di biến động của người trọ,...	Hệ thống đưa vào sử dụng

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
22	2	Nâng cấp, phát triển, bổ sung các tiện ích cho “Hệ thống chuyên nhận văn bản trực tuyến giữa các tổ chức, doanh nghiệp và các cơ quan, đơn vị thuộc UBND thành phố Hà Nội”.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn phòng HĐND&UBND; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Quý IV/2026	Các DN xuất nhập khẩu được tiếp cận với các công cụ kê khai, giảm thời gian làm dữ liệu C/O; Cơ quan hải quan tiết kiệm được thời gian giải quyết TTHC	DN sử dụng hiệu quả phần mềm vào hoạt động, có thể triển khai ứng dụng đại trà 2027- 2028 và là sản phẩm thiết yếu phục vụ chuyển đổi số cho ngành hải quan
VII		Phát triển xã hội số bền vững					
23	1	Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ Tổ Chuyển đổi số cộng đồng	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Quý IV/2026	Ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ cho Tổ Chuyển đổi số cộng đồng	Nghị quyết của HĐND Thành phố
24	2	Phổ cập kỹ năng cho người dân về công nghệ thông tin và truyền thông số trên môi trường điện tử thông qua phương thức truyền thông đa nền tảng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội	Nhiệm vụ thường xuyên	Tối thiểu 80% người dân được đào tạo, phổ cập kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông số trên môi trường điện tử thông qua phương thức truyền thông đa nền tảng.	Các lớp đào tạo. Báo cáo kết quả thực hiện.
25	3	Triển khai mô hình Cộng đồng số tại tổ dân phố, chi bộ, chi hội trên địa bàn thành phố Hà Nội (nền tảng iHanoi)	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; các đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Tất cả tổ dân phố số sẽ được sử dụng trên phần mềm chính thống của Hà Nội, có thể hỗ trợ định danh tổ chức, cá nhân, thực hiện các tính năng như thông báo, bầu cử, biểu quyết, xin ý kiến trực tiếp trên hệ thống.	Tổ dân phố thực hiện hình thành và vận hành mô hình “Cộng đồng số chính thống” trên iHanoi.

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
	VIII	Truyền thông về chuyển đổi số					
26	1	Truyền thông, phổ biến kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp Thủ đô	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	Quý IV/2026	Chuỗi nội dung truyền thông về kỹ năng số, an toàn số	Chuỗi nội dung truyền thông về kỹ năng số, an toàn số

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
27	2	Xây dựng và vận hành các kênh truyền thông số chính thức về chuyển đổi số thành phố Hà Nội (Sản xuất và đăng tải các sản phẩm video đa dạng thể loại, đa dạng thời lượng. Nội dung video tuyên truyền chủ trương, chính sách về chuyển đổi số, khoa học công nghệ, chính quyền số cho các cơ quan, tổ chức và người dân trên địa bàn Hà Nội; Truyền thông để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ về lợi ích, cơ hội và yêu cầu của chuyển đổi số giúp nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cộng đồng....); Thực hiện nhiệm vụ truyền thông chính sách, quảng bá rộng rãi kết quả chuyển đổi số của thành phố Hà Nội đến người dân cả nước, chọn lọc ít nhất 60%-70% các sản phẩm truyền thông đã sản xuất, đăng tải lên 2-3 kênh Youtube của Báo, Đài uy tín, có lượng người xem lên đến hàng tỷ view và ít nhất có 1,5 triệu Sub...	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	Quý IV/2026	- Thiết lập và vận hành tối thiểu 05 kênh truyền thông số chính thức; sản xuất 120-150 sản phẩm nội dung số/năm; đạt 1-2 triệu lượt tiếp cận/năm 2026, 150.000-200.000 lượt theo dõi; 100% sở, ngành, xã, phường được truyền thông; Tuyên truyền chủ trương, chính sách về chuyển đổi số, khoa học công nghệ, chính quyền số cho các cơ quan, tổ chức và người dân trên địa bàn Hà Nội; 60%-70% số sản phẩm video sản xuất sản phẩm về chuyển đổi số Hà Nội được đăng tải rộng rãi để người xem cả nước biết đến, chọn 2-3 kênh có lượng người xem lớn có thể quảng bá mạnh mẽ, có thể gắn link sản phẩm nội dung từ trang chính Chuyển đổi số Hà Nội để thu hút thêm lượt người biết đến các Kênh, trang Chuyển đổi số Hà Nội	1 hệ thống kênh truyền thông số hoạt động thường xuyên (Công thông tin CDS, Fanpage chính thức, Zalo OA, YouTube, TikTok (ngắn - dễ hiểu - hướng dẫn thao tác)

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
28	3	Chiến dịch truyền thông cho ngày chuyển đổi số Quốc gia 10-10 (sản phẩm banner truyền thông xe buýt, TVC truyền thông màn hình Led)	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	Quý IV/2026	Truyền thông trên 20 màn hình LED, Tối thiểu 30 tuyến xe buýt.	Các sản phẩm, loại hình truyền thông ngoài trời hiệu quả, cổ động chính quyền, người dân, doanh nghiệp tích cực tham gia và thúc đẩy các hoạt động chuyển đổi số
29	4	Triển lãm kinh tế số và doanh nghiệp số Thủ đô: giới thiệu các mô hình kinh tế số, gian hàng số, các nền tảng thương mại điện tử, dịch vụ số cho Doanh nghiệp như thanh toán số, chữ ký số, truy xuất nguồn gốc xuất xứ, cấp chứng nhận chất lượng, chứng chỉ ISO, truyền thông marketing số, số hóa và quản trị dữ liệu sản xuất kinh doanh, các đơn vị cung cấp phần mềm quản lý dự án, quản lý tài sản, quản trị tài chính, quản trị nhân sự, pháp lý, an toàn vệ sinh lao động....	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Các phòng, ban, đơn vị liên quan	Quý III/2026	Quy mô 60 gian hàng sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế số, dịch vụ pháp lý, tài chính, truyền thông marketing; thời gian thực hiện 2-3 ngày; 5000-7000 lượt người tiếp cận sự kiện; hàng trăm doanh nghiệp, thương nhân tiếp cận dịch vụ kinh tế số	Trở thành sự kiện thường niên tôn vinh, kích cầu doanh nghiệp tham gia mạnh mẽ vào kinh tế số, kích cầu và hỗ trợ kinh tế số cho tiêu thương, thương nhân, doanh nghiệp siêu nhỏ.
IX		Bảo đảm an toàn thông tin					
30	1	Phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.	Văn phòng HĐND&UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội;	Công an Thành phố	Thường xuyên	Quyết định phê duyệt; Báo cáo thực hiện	Quyết định phê duyệt; Báo cáo thực hiện

STT		Tên nhóm nhiệm vụ/nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Kết quả cần đạt (Định lượng)	Sản phẩm đầu ra
TT	Chi tiết						
31	2	Nâng cấp, bổ sung, duy trì các thiết bị bảo mật nhằm bảo đảm an toàn thông tin.	Văn phòng HĐND&UBND; Phòng Văn hóa - Xã hội	Công an Thành phố	Thường xuyên	Bảo đảm an toàn thông tin	Bảo đảm an toàn thông tin
	X	Triển khai Luật Chuyển đổi số					
32	1	Tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cấp quốc gia liên quan đến chuyển đổi số; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng các nhiệm vụ giải pháp mới (nếu cần thiết) để phù hợp với quy định của Luật	Sở Khoa học và Công nghệ	Phòng Văn hóa - Xã hội; Văn phòng HĐND&UBND	Thường xuyên	Rà soát, báo cáo	Báo cáo
33	2	Tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để triển khai các hoạt động chuyển đổi số quy định tại Điều 4 của Luật; triển khai các chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số quy định tại Điều 9 của Luật	Phòng Văn hóa - Xã hội; Văn phòng HĐND&UBND; Các đơn vị liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định	Chiến lược, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số